

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG HUNG  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 19/10/2021.  
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia  
đình.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Kiên Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hữu Hiền.
2. Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa:**  
Bà Đào Thị Kim Cúc- Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2021/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021; về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2021/QĐST- HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Mỹ L, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã P, huyện N, tỉnh Đ.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

*(Chị L có đơn xin vắng mặt. Anh T vắng mặt không có lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chị Bùi Thị Mỹ L trình bày:**

- Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình ngày 15/11/2004. Sau kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhà với bố mẹ đẻ anh T ở thôn K, xã P, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh T đánh đập chị và đuổi chị ra khỏi nhà, chị phải về nhà bố mẹ đẻ sinh sống một thời gian sau đó vào tỉnh Đồng Nai lao động tự do. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 4/2017. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Chị và anh Nguyễn Văn T có 03 con chung là Nguyễn Bá L, sinh ngày 16/8/2005; Nguyễn Thị N, sinh ngày 05/11/2006 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 21/5/2010. Hiện tại cả 03 con chung đang sinh sống cùng anh T. Ly hôn, chị đề nghị giao cả 03 con chung cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng và chị có trách nhiệm cấp dưỡng cho 03 con chung mỗi tháng là 2.500.000 đồng.

Chị không đồng ý với việc anh T yêu cầu chị cấp dưỡng một lần cho 03 con chung là 75.000.000 đồng vì điều kiện kinh tế của chị hiện nay rất khó khăn, dịch bệnh Covid phức tạp nên công ăn việc làm của chị không ổn định. Chị cũng không đồng ý với việc anh T đòi chị thanh toán số tiền 60.000.000 đồng cấp dưỡng nuôi 03 con chung trong thời gian 02 năm vợ chồng ly thân; với lý do: Anh T đánh đuổi chị ra khỏi nhà, không cho chị gặp con và chăm sóc con, tài sản chung của chị và anh T là ngôi nhà 02 tầng xây trên đất của bố mẹ chồng cùng đồ dùng sinh hoạt trong gia đình chị không yêu cầu chia mà để lại cho anh T sử dụng để nuôi các con.

- Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

**\* Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:**

- Anh và chị Bùi Thị Mỹ L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình ngày 15/11/2004. Sau kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhà với bố mẹ đẻ anh ở thôn K, xã P, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và tính cách không hợp nhau. Tháng 11/2019 (âm lịch), chị L tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống ly thân với anh và sau đó chị L bỏ đi theo người đàn ông khác. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị L.

- Vợ chồng có 03 con chung như chị L trình bày. Từ khi vợ chồng ly thân, cả 03 con chung sinh sống cùng anh. Anh đồng ý với việc chị L đề nghị giao cả 03 con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng nhưng anh không đồng ý với phương thức cấp dưỡng nuôi con theo tháng mà chị L đưa ra là mỗi tháng cấp dưỡng cho 03 con chung số tiền 2.500.000 đồng. Anh yêu cầu chị L cấp dưỡng một lần cho 03 con chung với tổng số tiền là 75.000.000 đồng. Trong trường hợp chị L không thể có được số tiền 75.000.000 đồng cấp dưỡng một lần cho 03 con thì ngoài số tiền cấp dưỡng hàng tháng cho 03 con là 2.500.000 đồng, anh yêu cầu chị L còn phải cấp dưỡng tiền anh nuôi 03 con trong thời gian 02 năm chị L bỏ nhà đi với số tiền là 60.000.000 đồng.

- Về tài sản: Anh và chị L không có tài sản chung và không có nợ chung, nên anh không yêu cầu giải quyết.

**\* Qua xác minh tại UBND xã P có nội dung:**

Chị L và anh T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình ngày 15/11/2004. Sau kết hôn, anh chị sinh sống tại thôn K, xã P, huyện Đông Hưng. Chị L và anh T sống với nhau không được hòa thuận. Anh T có thời gian đi lao động ở nước ngoài khoảng 3- 4 năm, chị L ở nhà thiếu sự chăm sóc, giáo dục con và cư xử với gia đình nhà chồng không được khéo nên mâu thuẫn giữa chị L và anh T ngày càng căng thẳng hơn; chị L đã bỏ đi khỏi nhà chồng khoảng 03

năm nay. Mâu thuẫn giữa chị L và anh T là trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật.

Từ khi chị L bỏ nhà chồng đi, cả 03 con chung sinh sống cùng anh T. Con lớn của chị L và anh T là cháu Nguyễn Bá L, sinh ngày 16/8/2005 hiện đã nghỉ học văn hóa; con Nguyễn Thị N, sinh ngày 05/11/2006 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 21/5/2010 hiện đang học tại Trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã P. Anh T và chị L ly hôn, cần giao cả 03 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo cuộc sống mọi mặt của các con chung. Theo mặt bằng chung tại địa phương ở thời điểm hiện tại, chi phí cho 01 con ăn học bậc Tiểu học và Trung học cơ sở ở mức 1.600.000đồng/1 tháng.

Trong thời gian vợ chồng anh T, chị L còn chung sống, anh T và chị L có làm một nhà 02 tầng trên đất của bố mẹ đẻ anh T. Kinh phí để xây dựng ngôi nhà trên cụ thể thế nào thì địa phương không nắm được.

**\* Qua xác minh với bà Phạm Thị T, sinh năm 1957 (là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn T) có nội dung:**

- Anh T và chị L chung sống với nhau không được hạnh phúc. Thời gian anh T đi lao động ở nước ngoài khoảng 3- 4 năm, chị L ở nhà chăm sóc con không được chu đáo, bà phải đứng ra trông nom các con giúp, tuy nhiên chị L vẫn cư xử với bà không được tốt; chị L còn đi quan hệ bất chính với người đàn ông khác, để gia đình người đàn ông đó đến chửi bới gia đình nhà bà. Khoảng năm 2019, khi anh T ở nước ngoài về nhưng chưa về tới nhà thì chị L đã bỏ về quê ngoại và sau đó vào Nam làm ăn tự do không quay lại gia đình nhà bà nữa. Bà xác định, anh T và chị L không thể đoàn tụ được với nhau.

- Từ khi chị L bỏ đi cả 03 con chung sinh sống cùng anh T, chị L không quan tâm gì tới các con. Anh T và chị L ly hôn, đề nghị Tòa án giao cả 03 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và buộc chị L cấp dưỡng một lần nuôi 03 con chung theo như nguyện vọng của anh T.

- Nguồn tiền xây dựng ngôi nhà 02 tầng trên đất của bà là do vợ chồng anh T, chị L bỏ ra một phần, phần còn lại là do bà bỏ ra để xây.

- Khoảng cuối tháng 8/2021, anh T có lên Hà Nội làm ăn tự do nhưng không có địa chỉ cụ thể. Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án gửi về bà đều nhận được và thông báo ngay cho anh T qua điện thoại. Anh T có ý kiến, anh vẫn giữ nguyên quan điểm như các bản tự khai của anh đã nộp cho Tòa án.

**\* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

**Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

**Về nội dung:**

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị Mỹ L được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đề nghị giao cả 03 con chung là Nguyễn Bá L, sinh ngày 16/8/2005; Nguyễn Thị N, sinh ngày 05/11/2006 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 21/5/2010 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc chị L cấp dưỡng cho 03 con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của anh T đòi chị L cấp dưỡng một lần cho 03 con chung số tiền 75.000.000 đồng và không chấp nhận yêu cầu của anh T đòi chị L phải cấp dưỡng tiền anh nuôi 03 con chung trong thời gian 02 năm chị L bỏ nhà đi với số tiền là 60.000.000 đồng.

- Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 24, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

#### **- Về tố tụng:**

Bị đơn, anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại thôn K, xã P, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, chị Bùi Thị Mỹ L và bị đơn, anh Nguyễn Văn T đều có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải cho anh T và chị L được, đồng thời đưa vụ án ra xét xử.

Chị Bùi Thị Mỹ L có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị L.

Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T.

#### **- Về nội dung:**

[1]. Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị Mỹ L và anh Nguyễn Văn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị L và anh T không có hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau và còn do nghi ngờ lòng chung thủy của nhau; thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu, cả hai không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng và đều không muốn duy trì đời sống hôn nhân. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[2]. Về con chung: Cả 03 con chung của chị L và anh T đều trên 07 tuổi và đang ở ổn định với anh T; từ khi vợ chồng ly thân, anh T vẫn chăm sóc các con chu đáo, đảm bảo việc học tập, sinh hoạt của các con. Bản thân các con cũng có nguyện vọng được sinh sống cùng với anh T. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con chung,

nên giao cả 03 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và buộc chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung ở mức như sau: Con L hiện tại đã nghỉ học văn hóa và đang đi học việc, chi phí cho việc nuôi con L tốn kém hơn nên cần buộc chị L cấp dưỡng cho con Lâm mỗi tháng ở mức 900.000 đồng, con N và con H mỗi con ở mức 800.000 đồng/1tháng là phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của chị L và nhu cầu thiết yếu của các con chung.

Do chị L hiện tại khó khăn về kinh tế, dịch bệnh Covid kéo dài dẫn tới việc làm và thu nhập không ổn định. Chị L không đồng ý cấp dưỡng một lần cho các con theo như yêu cầu của anh T đưa ra. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh T về việc buộc chị L cấp dưỡng một lần cho các con chung.

Đối với việc anh T yêu cầu chị L thanh toán cho anh khoản tiền 60.0000.000 đồng anh nuôi 03 con trong thời gian 02 năm vợ chồng ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị L và anh T chung sống không hạnh phúc, hay xảy ra đánh, cãi nhau nên chị L bỏ về nhà mẹ đẻ, sau đó vào Nam làm ăn. Mặc dù trong thời gian vợ chồng ly thân, chị L không trực tiếp chăm sóc con chung nhưng chị cũng để lại các tài sản là đồ dùng sinh hoạt của vợ chồng và công sức đóng góp trong ngôi nhà 02 tầng chị L và anh T tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân để anh T nuôi dưỡng các con. Đây vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của chị L và anh T đối với các con chung. Vì vậy, yêu cầu của anh T đòi chị L thanh toán cho anh số tiền 60.000.000 đồng cấp dưỡng cho 03 con chung trong thời gian 02 năm vợ chồng ly thân không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về tài sản: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. Về án phí : Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị L và anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

*Vì những lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV;

**1/. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Bùi Thị Mỹ L được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

#### **2/. Về con chung:**

**2.1.** Xử giao 03 con chung là Nguyễn Bá L, sinh ngày 16/8/2005; Nguyễn Thị N, sinh ngày 05/11/2006 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 21/5/2010 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Bùi Thị Mỹ L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con Nguyễn Bá L mỗi tháng 900.000 đồng và cấp dưỡng cho con Nguyễn Thị N và Nguyễn Minh H, mỗi con 800.000 đồng/1tháng. Tổng cộng, chị L phải cấp dưỡng

cho 03 chung mỗi tháng 2.500.000 (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị Bùi Thị Mỹ L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; chị Bùi Thị Mỹ L và anh Nguyễn Văn T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

**2.2.** Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T đòi chị Bùi Thị Mỹ L cấp dưỡng một lần cho 03 con chung với số tiền 75.000.000 đồng và không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T đòi chị Bùi Thị Mỹ L thanh toán cho anh số tiền 60.000.000 đồng cấp dưỡng cho 03 con chung trong thời gian 02 năm vợ chồng ly thân.

**3/. Về tài sản:** Không đặt ra giải quyết.

**4/. Về án phí:** Chị Bùi Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng chị L phải nộp 600.000 đồng tiền án phí; được trừ 300.000 chị L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002750 ngày 23/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng, chị L còn phải nộp 300.000 đồng.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

**5/. Về quyền kháng cáo:** Chị Bùi Thị Mỹ L và anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Hưng;
- UBND xã P, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
Đã ký

**Lê Kiên Trung**